

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
KỲ THI NGÀY 09/11/2025

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
1	410128	Lành Thị Bình	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
2	441626	Nguyễn Ngọc Sơn	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
3	443015	Nguyễn Thị Hải Yến	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
4	451034	Nguyễn Văn Nam	Luật	Anh văn		Không đạt			
5	451550	Lê Văn Trường	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
6	451655	Cao Tiến Dũng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
7	452847	Ma Thị Huệ	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
8	453004	Trần Khánh Huyền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.0	Đạt			
9	453446	Nguyễn Minh Hiếu	Luật Chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
10	460655	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
11	460658	Bùi Thiên Lương	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
12	460751	Đoàn Thị Thu Uyên	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
13	460758	Hà Thị Lệ	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
14	460762	Lục Văn Trường	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
15	460955	Đặng Thu Hiền	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
16	461001	Bùi Ngọc ánh	Luật	Anh văn		Không đạt			
17	461020	Cao Thị Khánh Huyền	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
18	461054	Nông Thị Hồng Diễm	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
19	461058	Lường Thị Thúy Loan	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
20	461161	Hoàng Hải Thiên	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
21	461255	Nguyễn Lê Minh Hoàng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
22	461259	Trần Hồng Nhung	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
23	461335	Nguyễn Đào Tổ	Oanh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
24	463302	Khúc Chu Quỳnh	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
25	463495	Nguyễn Thị	Thùy	Luật	Anh văn		Không đạt			
26	463562	Nguyễn Doãn	Thuận	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
27	470122	Nguyễn Hoàng	Đức	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
28	470145	Tô Ngọc	Mai	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
29	470156	Nguyễn Đăng	Dương	Luật	Anh văn		Không đạt			
30	470159	Nguyễn Bình Vân	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
31	470160	Trần Thị Hoài	An	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
32	470226	Hoàng Kim	Chi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
33	470235	Sùng Thị	Ly	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
34	470236	Hà Thị Thanh	Thủy	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
35	470251	Uông Đăng Yên	Vy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
36	470256	Đỗ Hương	Giang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
37	470261	Lê Ngọc	ánh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
38	470312	Nguyễn Thị Diệu	Hương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
39	470320	Đào Thị Bích	Ngọc	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
40	470323	Nguyễn Bằng	Nhà	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
41	470324	Trần Đức	Thắng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
42	470325	Hạ Thị Ngọc	Huyền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
43	470327	Phạm Ngọc	Hân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
44	470334	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
45	470339	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
46	470351	Nguyễn Minh	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
47	470355	Dương Xuân	Khánh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
48	470369	Đoàn Hà Anh	Duy	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
49	470411	Đặng Ngọc Minh	Quang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
50	470431	Nguyễn Phương	Trang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
51	470434	Phạm Hà	Linh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
52	470442	Lường Huyền	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
53	470444	Phạm Hoàng Bảo	Quyên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
54	470454	Nguyễn Thị Hương	Giang	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
55	470461	Phạm Thế	Minh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
56	470469	Vũ Đăng Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
57	470502	Lý Trần Quốc	Việt	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
58	470506	Lê Phạm Phương	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
59	470513	Đỗ Hương	Giang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
60	470520	Nguyễn Thị Hương	Lan	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
61	470523	Trần Thị Yên	Nhi	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
62	470542	Thiều Thị Hạnh	Nguyên	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
63	470605	Trần Thảo	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
64	470620	Lương Thị Kiều	Mai	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
65	470621	Hà Thanh	Hương	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
66	470623	Nguyễn Thị Thu	Hương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
67	470627	Bạch Phạm Anh	Tuân	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
68	470631	Nguyễn Thị Mai	Lan	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
69	470637	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
70	470638	Hoàng Tú	Quyên	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
71	470645	Hồ Nguyễn Mai	Hương	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
72	470666	Viên Đình	Minh	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
73	470708	Lê Thanh	Nga	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
74	470714	Trần Gia	Hân	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
75	470725	Nguyễn Hoàng Phương	Nhi	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
76	470736	Trần Đức	Hải	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
77	470737	Đoàn Thanh	Hà	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
78	470755	Nguyễn Phương	Thảo	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
79	470803	Trần Phương Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
80	470805	Trần Thị Ngọc Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
81	470808	Lưu Gia Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
82	470814	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
83	470815	Nguyễn Thị Kim Ngân	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
84	470816	Trần Thị Thu Hường	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
85	470821	Nguyễn Thị Hương Ly	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
86	470831	Phạm Thị Phương Nguyên	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
87	470841	Lê Minh ánh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
88	470842	Nguyễn Thị Giang	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
89	470846	Nguyễn Quỳnh Nga	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
90	470853	Nguyễn Thị Thùy Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
91	470856	Nguyễn Duy Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
92	470859	Nguyễn Hải Khoa	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
93	470864	Trần Đức Cường	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
94	470907	Hà Phúc Toàn	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
95	470927	Phạm Vũ Hải Đăng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
96	470934	Vũ Lan Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
97	470938	Đào Quế Chi	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
98	470942	Lưu Khánh Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
99	470947	Phạm Thị Thanh Nhân	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
100	470950	Nguyễn Thị Phương Thảo	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
101	470951	Nguyễn Minh Hiền	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
102	470954	Lưu Thùy Tiên	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
103	471016	Lê Trúc Quỳnh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
104	471017	Nguyễn Bích Ngọc	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
105	471025	Nguyễn Thị Hiền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
106	471026	Bùi Thế Duy	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
107	471032	Ngô Phương Linh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
108	471045	Phạm Thị Phương Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
109	471052	Trần Thị Quỳnh Phương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
110	471131	Nguyễn Đỗ Phương Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
111	471142	Phạm Nguyễn Ngọc My	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
112	471146	Hà Tuấn Khải	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
113	471163	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
114	471164	Lục ý Nhi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
115	471165	Nguyễn Thanh Hiền	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
116	471168	Vũ Diễm Quỳnh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
117	471239	Võ Hà Thương	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
118	471246	Bùi Thị Thúy Hải	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
119	471248	Trần Bảo Châu	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
120	471253	Chu Thị Sao Mai	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
121	471254	Vũ Trà My	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
122	471325	Đỗ Nguyễn Thúy Hiền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
123	471350	Phùng Thu Trang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
124	471401	Đinh Văn Duy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
125	471405	Phùng Khánh Huyền	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
126	471417	Vũ Kim Ngân	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
127	471451	Đỗ Thị Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
128	471453	Trần Thủy Tiên	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
129	471458	Nguyễn Ngọc Minh Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
130	471462	Chu Khánh Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
131	471504	Tô Linh Giang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
132	471505	Nguyễn Khánh Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
133	471512	Lê Khánh Linh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
134	471601	Trần Huyền Trang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
135	471608	Phan Lê Hoàng	Mai	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
136	471610	Nghiêm Huyền	My	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
137	471612	Lê Phương	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
138	471613	Phạm Ngọc	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
139	471616	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
140	471617	Hồ Vũ Khánh	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
141	471620	Trần Thị Mỹ	Duyên	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
142	471621	Lê Diệu	Linh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
143	471626	Vũ Thảo	Vy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
144	471635	Vũ Hoàng	Lan	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
145	471638	Đặng Châu	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
146	471653	Nguyễn Nữ Phương	Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
147	471658	Hà Vũ Phương	Anh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
148	471663	Trần Thị Ngọc	Mai	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
149	471812	Đặng Thị Thanh	Quyên	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
150	471829	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
151	471844	Trần Ngọc	Dũng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
152	471848	Trần Phú	Minh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
153	471861	Võ Lê	Khanh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
154	471909	Nguyễn Hà	Vi	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
155	471961	Văn Thị Thu	Thủy	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
156	472001	Hoàng Thị Thu	Giang	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
157	472002	Đường Ngọc	Huyền	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
158	472005	Nguyễn Mai	Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
159	472009	Vũ Đào Mai	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
160	472011	Đặng Hải	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
161	472012	Đặng Thùy	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
162	472014	Nguyễn Minh	Châu	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
163	472017	Đỗ Hương	Quân	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
164	472025	Đinh Ngọc Yến	Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
165	472026	Lê Huyền Mai	Ngân	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
166	472028	Ngô Minh	Quân	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
167	472032	Bùi Trịnh Tuyết	Mai	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
168	472052	Phan Trọng Việt	Hoàng	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
169	472057	Trần Ngọc	Sang	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
170	472114	Nguyễn Thị Hồng	Vân	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
171	472115	Vũ Thị Hoàng	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
172	472116	Trịnh Minh	Hằng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
173	472120	Nguyễn Thủy	Tiên	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
174	472203	Tổng Yến	Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
175	472204	Phạm Hoàng Thu	Thảo	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
176	472206	Phạm Diệu	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
177	472209	Trương Thùy	Dương	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
178	472216	Bùi Huyền	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
179	472221	Nguyễn Vương Minh	Ngọc	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
180	472222	Nguyễn Hùng	Nam	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
181	472224	Trần Nguyễn Phương	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
182	472238	Ma Thu	Hường	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
183	472242	Vũ Đức	Duy	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
184	472247	Nguyễn Hữu	Huân	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
185	472248	Trần Tiến	Dũng	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
186	472250	Lê Thị Khánh	Xuân	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
187	472262	Long Văn	Môn	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
188	472303	Phạm Quang	Hung	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn		Không đạt			
189	472307	Nguyễn Ngọc Hà	Chi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	3.5	Không đạt			
190	472309	Vũ Xuân	Hoàn	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
191	472310	Đỗ Huy	Hoàng	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn		Không đạt			
192	472315	Nguyễn Linh	Chi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
193	472317	Hoàng Gia	Bách	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
194	472339	Nguyễn Anh	Thư	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
195	472348	Nguyễn Thành	Đạt	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
196	472406	Nguyễn Thái Ngọc	Huyền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
197	472407	Phạm Anh	Thư	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
198	472409	Bùi Minh	Ngọc	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
199	472417	Bùi Gia	Bách	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
200	472420	Trần Xuân	Bách	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
201	472421	Đặng Châu	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
202	472427	Đinh Ngọc Phương	Dung	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
203	472428	Trần Thị	Vĩnh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
204	472429	Vũ Tú	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
205	472441	Nguyễn Ngọc	Dung	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
206	472445	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
207	472450	Đặng Thanh	Huyền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
208	472454	Đỗ Thị Ngọc	Hương	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
209	472457	Nguyễn Khánh	Huyền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn		Không đạt			VPQC
210	472463	Hoàng Lê Ngân	Nhi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
211	472464	Lê Thị Thu	Trang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
212	472501	Đỗ Phương	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
213	472502	Trần Như	Diên	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
214	472524	Vương Minh	Châu	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
215	472536	Phạm Thị Tuyết	Mai	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
216	472537	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
217	472545	Phạm Phương	Chi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
218	472547	Đặng Thị Minh	ánh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
219	472550	Lê Thị Mai	Phuong	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
220	472553	Trần Minh	Ngọc	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
221	472558	Nguyễn Đức Tuấn	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
222	472561	Nguyễn Thị Trà	Giang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
223	472605	Nguyễn Nhật	Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
224	472609	Đoàn Đỗ Thành	Đạt	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
225	472614	Nguyễn Hà	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
226	472617	Dương Trúc	Quỳnh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
227	472618	Trần Hải	Nam	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
228	472620	Vũ Thùy	Trang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
229	472621	Nguyễn Hà	Vy	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
230	472627	Hoàng Thị Mai	Huong	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
231	472630	Trịnh Quang	Tú	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			
232	472633	Lê Hà Bảo	Ngân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
233	472642	Lê Hoàng Phương	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
234	472644	Lưu Tuyết	Ngân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
235	472646	Nguyễn Hà	Phuong	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
236	472653	Phạm Bích	Ngọc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
237	472664	Nguyễn Thị	Lan	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
238	472666	Trần Châu	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
239	472703	Hoàng Mạnh	Đức	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
240	472705	Phạm An	Huy	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
241	472708	Nguyễn Thị Mai	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			VPQC
242	472709	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
243	472711	Bùi Kim	Nguyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
244	472712	Nguyễn Việt	Hà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.5	Đạt	5	C1	
245	472714	Bạch Trang	Huyền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
246	472717	Nguyễn Khánh	Huyền	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
247	472718	Đào Phương	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
248	472719	Đào Phan Khánh	Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
249	472727	Lê Phương	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
250	472729	Nguyễn Minh	Quang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn		Không đạt			VPQC
251	472732	Đặng Tuấn	Cường	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
252	472739	Ngô Thị Hương	Tú	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
253	472742	Nguyễn Thu	Trang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
254	472743	Lê Minh Kiều	Trang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
255	472749	Nguyễn Trần Đức	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.5	Đạt	5	C1	
256	472751	Phan Thanh	Ngân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
257	472756	Mai Phương	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
258	472762	Nguyễn Thị	Vui	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
259	472764	Nguyễn Thị Thái	Dương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
260	472803	Nguyễn Thị Thanh	Dung	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
261	472805	Nguyễn Thị Phương	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
262	472815	Lê Thị Thu	Uyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
263	472825	Bùi Hoàng Vân	Ly	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
264	472827	Ngô Tuấn	Hùng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
265	472828	Đỗ Quân	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
266	472831	Nguyễn Hoàng Thảo	Tâm	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
267	472836	Nguyễn Bùi Tú	Uyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
268	472910	Nguyễn Lê	Na	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
269	472911	Nguyễn Khánh	Hòa	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
270	472915	Lê Nguyễn Phương	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
271	472922	Nguyễn Cao Hương	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
272	472929	Nguyễn Nhật	Huy	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
273	472930	Đặng Hương	Giang	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
274	472931	Hoàng Ngọc	Hà	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
275	473005	Nguyễn Thùy	Dương	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
276	473014	Nguyễn Thái	Bình	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
277	473022	Nguyễn Quang	Trung	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
278	473023	Nguyễn Phương	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
279	473104	Hoàng Thu	Hà	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
280	473105	Thái Hà	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn		Không đạt			
281	473115	Lê Kiều	Oanh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
282	473117	Đoàn Vũ Khánh	Hương	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
283	473121	Phan Bảo	Ngọc	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
284	473123	Lê Vân	Quỳnh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
285	473128	Phạm Châu	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
286	473131	Nguyễn Linh	Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
287	473133	Nguyễn Quốc	Dũng	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
288	473139	Đỗ Trần Việt	Hà	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
289	473201	Trần Đức	Mạnh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
290	473207	Nguyễn Hoàng Phương	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
291	473218	Đặng Bảo	Phúc	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
292	473221	Nguyễn Phương	Nhung	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
293	473223	Đào Khánh	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
294	473225	Nguyễn Thu	Giang	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
295	473230	Ngô Thùy	My	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
296	473235	Vũ Hoài	Nam	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
297	473236	Bùi Thị Quỳnh	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
298	473302	Vương Thị Tuyết	Liên	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
299	473327	Nguyễn Hương	Trà	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
300	473329	Nguyễn Tiến	Vinh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
301	473330	Vũ Phạm Minh	Hà	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
302	473334	Phạm Duy Tuấn	Nghĩa	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
303	473337	Dương Tuệ	Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
304	473407	Nguyễn Phương	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
305	473410	Vũ Hoàng Minh	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
306	473428	Phạm Thanh	Huyền	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
307	473430	Nguyễn Hoàng Nam	Bình	Luật chất lượng cao	Anh văn	4.5	Không đạt			
308	473433	Trần Mai	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
309	473434	Bùi Nguyễn Hà	Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
310	473435	Bùi Thị Mai	Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	4.5	Không đạt			
311	473436	Dương Đăng	Hoàn	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
312	473438	Bùi Nguyễn Minh	Quân	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
313	473439	Nguyễn Thị Mai	Hương	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
314	473441	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
315	473443	Lại Thị Thu	Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
316	473445	Nguyễn Ngọc Mai	Trang	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
317	473514	Nguyễn Thái Hồng	Vân	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
318	473515	Nguyễn Thu Linh	Nhi	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
319	473516	Nguy Dương Khánh	Linh	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
320	473520	Lê Như Thảo	Anh	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
321	473544	Ninh Đức	Hùng	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
322	473546	Vũ Lê	Tấn	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
323	473551	Nguyễn Tùng	Dương	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
324	473554	Hoàng Minh	Phúc	Luật Kinh tế chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
325	473723	Hà Thu	Giang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
326	473726	Nguyễn Trần Huy	Hoàng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
327	473733	Nguyễn Diệu	Linh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
328	473743	Lạc Giai Hằng	Nga	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
329	473746	Nông Thái Hà	Ngân	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
330	473747	Triệu Gia	Ngọc	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
331	473752	Ngô Khánh	Phuong	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
332	473763	Lê Đỗ Hà	Trang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
333	473774	Trần Thị Thanh	Xuân	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
334	473806	Hoàng Thị Ngọc	ánh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
335	473821	Trần Tuấn	Đạt	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
336	473835	Trần Khánh	Ly	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
337	473856	Nguyễn Trần Thu	Thiều	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
338	473868	Nguyễn Minh	Tâm	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
339	473869	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
340	241010077	Đào Hoàng	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
341	241010079	Hồ Ngọc	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
342	241010086	Lê Duy	Bình	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
343	241010089	Nguyễn Thị Linh	Chi	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
344	241010096	Nguyễn Hương	Dung	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
345	241010099	Đình Quang	Dương	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
346	241010108	Phạm Hồng	Hạnh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
347	241010131	Nguyễn Thị	Lan	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
348	241010132	Nguyễn Thị Thu	Lan	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
349	241010146	Nguyễn Thị Hương	Ly	Luật	Anh văn		Không đạt			
350	241010159	Nguyễn Thị	Ngọc	Luật	Anh văn		Không đạt			
351	241010169	Phạm Thị Minh	Phuong	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
352	241010190	Nguyễn Đạt	Toàn	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
353	241010194	Vũ Thị	Trang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
354	241010195	Nguyễn Thanh	Trà	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
355	241010204	Nguyễn Phong	Tùng	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
356	241010205	Lê Thị Khánh	Vân	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
357	241010230	Trần Quỳnh	Chi	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
358	241010231	Dương Quốc	Chinh	Luật	Anh văn		Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
359	241010241	Hoàng Hải	Đăng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
360	241010255	Đàm Quang	Hiếu	Luật	Anh văn		Không đạt			
361	241010285	Ngô Văn	Ngọc	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
362	241010304	Trần Tiến	Thành	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
363	241010315	Vũ Lê Anh	Thư	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
364	241010342	Nguyễn Thị	Xuân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
365	241013466	Đào Đức	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
366	241013469	Lê Thị Mai	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
367	241013478	Hoàng Văn	Chi	Luật	Anh văn		Không đạt			VPQC
368	241013479	Vũ Thị Linh	Chi	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
369	241013480	Phạm Hùng	Cường	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
370	241013484	Nguyễn Thị Mai	Dinh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
371	241013491	Ngô Thị Thu	Hà	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
372	241013498	Nguyễn thị Thu	Hào	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
373	241013499	Vũ Thị Thu	Hiền	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
374	241013505	Hoàng Thị	Hoan	Luật	Anh văn		Không đạt			VPQC
375	241013507	Đỗ Thị	Hường	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
376	241013510	Nguyễn Thị Thu	Hường	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
377	241013512	Trần Thị Thanh	Huyền	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
378	241013513	Trịnh Doãn	Khoa	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
379	241013516	Phạm Phú	Lập	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
380	241013526	Đinh Văn	Minh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
381	241013527	Lưu Đức	Minh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
382	241013528	Đỗ Thị Thanh	Nga	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
383	241013536	Đỗ Văn	Quân	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
384	241013537	Nguyễn Minh	Quang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
385	241013540	Phạm Thành	Quyên	Luật	Anh văn		Không đạt			
386	241013541	Nguyễn Hồng	Son	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
387	241013544	Lê Văn	Thành	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
388	241013545	Nguyễn Thế	Thành	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
389	241013555	Đoàn Đắc	Toản	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
390	241013563	Phạm	Trường	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
391	241013564	Bùi Anh	Tuấn	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
392	241013565	Phạm Anh	Tuấn	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
393	241013568	Phạm Thị Như	Út	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
394	241013569	Nguyễn Thị Thu	Uyên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
395	241013572	Phạm Hoàng	Việt	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
396	241013573	Nguyễn Long	Vũ	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
397	241013575	Đoàn Thị Hồng	Yến	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
398	241013664	Trương Thanh	Son	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
399	241013881	Trần Quế	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
400	241014137	Khổng Mạnh	Hiền	Luật	Anh văn		Không đạt			
401	241014177	Cao Anh	Tuấn	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
402	241070366	Vũ Thùy	Dương	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
403	241070369	Trần Minh	Đức	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
404	241070377	Nguyễn Tiến	Hiệp	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
405	241070384	Cần Cao	Hung	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
406	241070386	Nguyễn Thị Lan	Hương	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
407	241070407	Phạm Thị Tổ	Nga	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
408	241070431	Phạm Đức	Thăng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
409	241070441	Trần Viết	Trung	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
410	241070447	Đào Hồng	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
411	241070448	Nguyễn Quỳnh	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
412	241070461	Nguyễn Đăng	Đức	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
413	241070475	Nguyễn Thị	Hiền	Luật Kinh tế	Anh văn		Không đạt			VPQC
414	241070476	Lê Phương Thanh	Hoài	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
415	241070477	Đào Thị Hoàn	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
416	241070494	Hoàng Phương Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
417	241070495	Hoàng Thị Kiều Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
418	241070501	Nguyễn Thành Long	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
419	241070503	Đỗ Thị Luyến	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
420	241070520	Nguyễn Ngọc Sơn	Luật Kinh tế	Anh văn		Không đạt			
421	241070522	Đỗ Phương Thảo	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
422	241070523	Bùi Ngọc Thắng	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
423	241070524	Hoàng Ngọc Thắng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
424	241070527	Vũ Thị Thom	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
425	241070532	Dương Thị Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
426	241070534	Trương Kiều Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
427	241070537	Nguyễn Quốc Trung	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
428	241070540	Đoàn Thị ánh Tuyết	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
429	241070541	Vũ Anh Tú	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
430	241070542	Kiều Thanh Tùng	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
431	241074110	Nguyễn Thị Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
432	241074123	Lê Hoàng Yển	Luật Kinh tế	Anh văn		Không đạt			

ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Triều Dương

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TU PHÓ CHỦ TỊCH

